TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:04/2020/KDTM- ST
Ngày: 28 - 12- 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng cung cấp và vận chuyển đất đắp nền đường công trình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thị Thy Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đời.

2. Ông Nguyễn Kim Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mỹ Thương – Thư ký Tòa án của TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hương Thu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2020/TLST-KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng cung cấp và vận chuyển đất đắp nền đường công trình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST- KDTM ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c**. Địa chỉ: Số 02 Đường 3 tháng 2, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Vân L, chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị T, chức vụ: Phó giám đốc theo giấy ủy quyền số 26/GUQ ngày 29/5/2020 của Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c. Có mặt

2. Bị đơn: **Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A**. Địa chỉ: Số 299 Đường D, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Khắc T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Chỗ ở hiện tại: Làng De Chút, xã K, huyện M, tỉnh Gia Lai. Có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c trình bày trình bày:

Ngày 22 tháng 4 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c (Bên B) và Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A (Bên A) có ký hợp đồng kinh tế số 62/2016/HĐKT/AT-CĐN, theo đó Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c cung cấp và vận chuyển đất đắp nền đường công trình gói thầu NCB/3.5 tuyến đường Hòa Phước, Hòa Khương thuộc dự án phát triển bền vững thành phố Đà Nẵng để phục vụ thi công công trình cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A gồm đất đắp K95, khối lượng 40.000m3, đơn giá 76.000đồng/m3, thành tiền 3.040.000.000đồng. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày 25/4/2016 và cung cấp đủ cho bên A ít nhất 500m3/ngày. Phương thức giao nhận và nghiệm thu là khối lượng được đo đạc thực tế trên thùng xe và được hai bên thống nhất bằng phiếu xác nhận của kỹ thuật có chữ ký của hai bên. Thời hạn thanh toán sau khi bên B cung cấp và vận chuyển đạt khối lượng 8.000m3 thì hai bên sẽ tiến hành đối chiếu và chốt khối lượng thanh toán kèm các chứng từ hóa đơn có xác nhận của hai bên. Sau khi nhận được hóa đơn, chứng từ đầy đủ thì bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị khối lượng đất đã được cung cấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày bên B xuất hóa đơn giao cho bên A. Nếu quá hạn mà bên A vẫn chưa thanh toán hết tiền cho bên B thì căn cứ số tiền của hồ sơ thanh toán, bên A phải trả lãi suất cho bên B theo lãi suất cho vay của ngân hàng nơi bên B mở tài khoản, Bên A thanh toán xong mới được cung ứng tiếp. Hình thức thanh toán là chuyển khoản hoặc tiền mặt. Ngày 08/7/2016 hai bên tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng số 02 để điều chỉnh thay đổi một số nội dung của Hợp đồng kinh tế số 62/2016/HĐKT/AT-CĐN gồm điều chỉnh thay đổi địa chỉ trụ sở

chính của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A tại Số 299 đường D, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Phụ lục hợp đồng này là một bộ phận không tách rời hợp đồng kinh tế số 62/2016/HĐKT/AT-CĐN ngày 22/4/2016, mgoài điều khoản bổ sung trên các điều khoản khác không nêu ở phụ lục này thì được thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng kinh tế số 62/2016/HĐKT/AT-CĐN ngày 22/4/2016. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên B đã cung cấp đất đắp nền cho bên A theo hợp đồng đã ký kết và được bên A thanh toán nhiều lần tiền. Tính đến ngày 31/12/2016 hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ cuối cùng thể hiện bên A còn nợ bên B số tiền 931.756.000đồng. Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c đã nhiều lần nhắc nhở Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A trả nợ nhưng Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A cứ hẹn nhiều lần. Ngày 09/6/2017 Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A có công văn số 23 gửi đến Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c cam kết thanh toán số nợ 931.756.000đồng làm hai đợt, đợt 1 thanh toán 50% tổng số tiền nợ đến ngày 30/6/2017, đợt 2 thanh toán 50% số tiền còn lại đến ngày 30/7/2017 nhưng đến nay Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A vẫn chưa trả đồng nào cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c.

Nay Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A trả dứt điểm một lần số tiền 1.089.378.000đồng, trong đó 931.756.000đồng tiền gốc và 157.622.000đồng tiền lãi tính từ ngày 01/8/2017 đến ngày 31/12/2019 theo mức lãi suất 7%/ năm.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c đã nộp cho Tòa án và có trách nhiệm sao gửi đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ cho bị đơn Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A đầy đủ.

* Tại bản tự khai, người đại diện theo theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A trình bày: Ngày 22/04/2016 Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A có ký kết Hợp đồng kinh tế số: 62/2016/HĐKT/AT-CĐN với Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c. Nội dung của hợp đồng là cung cấp và vận chuyển đất đắp nền đường đến chân công trình để phục vụ thi

công công trình gói thầu NCB. 3.5 xây dựng đường Hòa Phước –Hòa Khương – Dự án phát triển bền vững Thành phố Đà Nẵng. Đơn giá hợp đồng 76.000 đồng/m3 (Bảy mươi sáu ngàn đồng/m3 đất). Đơn giá này đã bao gồm Thuế VAT 10% và tất cả các chi phí khác để Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c cung cấp và vận chuyển đất đến chân công trình cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A. Gía trị hợp đồng tạm tính: 3.040.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c đã thực hiện cung cấp và vận chuyển đất đến chân công trình là: 30.681m^3. Giá trị thực hiện là 2.331.756.000 đồng. Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c tính đến ngày 31/12/2016 là: 1.400.000.000 đồng. Hai bên có đối chiếu công nợ và theo bảng đối chiếu công nợ cuối cùng giữa hai bên ký ngày 31/12/2016. Tính đến ngày 31/12/2016 Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A còn nợ Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c với số tiền là: 931.756.000 đồng (Chín trăm ba mươi mốt triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Do điều kiện sản xuất và kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A từ năm 2016 đến nay gặp nhiều khó khăn, các chủ đầu tư và các nhà thầu chính còn nợ Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A với số tiền lớn chưa thu hồi được, do đó Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A chưa thanh toán số tiền nợ 931.756.000 đồng còn lại cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c được.

Nay Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c khởi kiện Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A ra tòa, công ty Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A không có ý kiến gì.

Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A không phản tố.

Do điều kiện công việc cá nhân tôi Đoàn Khắc T là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A không thể tham gia tố tụng theo triệu tập của Tòa án được. Do vậy cá nhân tôi có yêu cầu Tòa giải quyết vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên toà xét xử.

* Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 24, Điều 50, Điều 306 của Luật thương mại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A phải trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c tổng số tiền 1.089.378.000đồng, trong đó tiền gốc 931.756.000đồng, tiền lãi tính từ ngày 01/8/2017 đến ngày 31/12/2019 theo mức lãi suất 7%/ năm là 157.622.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Trước khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện thì bị đơn Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A có địa chỉ trụ sở tại số 299 đường D, phường A, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A nhưng tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét vử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A phải thanh toán cho Công ty Cổ phần

Xây dựng và Thương mại c tiền nợ gốc 931.756.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/8/2017 đến ngày 31/12/2019 với mức lãi suất 7% năm là 157.622.000đồng. Đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng thể hiện trong hồ sơ vụ án thừa nhận Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A còn nợ Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c tiền gốc 931.756.000 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng giữa hai bên ký ngày 31/12/2016, nhưng hiện nay Công ty gặp nhiều khó khăn, các chủ đầu tư và các nhà thầu chính còn nợ Công ty số tiền lớn chưa thu hồi được do đó Công ty chưa thanh toán số nợ trên Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 22 tháng 4 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c (Bên B) và Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A (Bên A) có ký hợp đồng kinh tế số 62/2016/HĐKT/AT-CĐN, theo đó Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c cung cấp và vận chuyển đất đắp nền đường công trình gói thầu NCB/3.5 tuyến đường Hòa Phước, Hòa Khương thuộc dự án phát triển bền vững thành phố Đà Nẵng để phục vụ thi công công trình cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A gồm đất đắp K95, khối lượng 40.000m3, đơn giá 76.000đồng/m3, thành tiền 3.040.000.000đồng. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày 25/4/2016 và cung cấp đủ cho bên A ít nhất 500m3/ngày. Phương thức giao nhận và nghiệm thu là khối lượng được đo đạc thực tế trên thùng xe và được hai bên thống nhất bằng phiếu xác nhận của kỹ thuật có chữ ký của hai bên. Thời hạn thanh toán sau khi bên B cung cấp và vận chuyển đạt khối lượng 8.000m3 thì hai bên sẽ tiến hành đối chiếu và chốt khối lượng thanh toán kèm các chứng từ hóa đơn có xác nhận của hai bên. Sau khi nhận được hóa đơn, chứng từ đầy đủ thì bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị khối lượng đất đã được cung cấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày bên B xuất hóa đơn giao cho bên A. Nếu quá hạn mà bên A vẫn chưa thanh toán hết tiền cho bên B thì căn cứ số tiền của hồ sơ thanh toán, bên A phải trả lãi suất cho bên B theo lãi suất cho vay của ngân hàng nơi bên B mở tài khoản, Bên A thanh toán xong mới được cung ứng tiếp. Hình thức thanh toán là chuyển khoản hoặc tiền mặt. Ngày 08/7/2016 hai bên

tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng số 02 để điều chỉnh thay đổi một số nội dung của Hợp đồng kinh tế số 62/2016/HĐKT/AT-CĐN gồm điều chỉnh thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A tại Số 299 đường D, phường A, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Phụ lục hợp đồng này là một bộ phận không tách rời hợp đồng kinh tế số 62/2016/HĐKT/AT-CĐN ngày 22/4/2016, mgoài điều khoản bổ sung trên các điều khoản khác không nêu ở phụ lục này thì được thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng kinh tế số 62/2016/HĐKT/AT-CĐN ngày 22/4/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c đã thực hiện cung cấp và vận chuyển đất đến chân công trình là: 30.681m^3. Giá trị thực hiện là 2.331.756.000 đồng. Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c tính đến ngày 31/12/2016 là 1.400.000.000 đồng. Hai bên có đối chiếu công nợ và theo bảng đối chiếu công nợ cuối cùng giữa hai bên ký ngày 31/12/2016 thì Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A còn nợ Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c với số tiền là 931.756.000 đồng (Chín trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng). HĐXX xét thấy, Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng kinh tế về việc cung cấp và vận chuyển đất đắp nền đường công trình. Việc khởi kiện của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A phải trả số tiền còn nợ 931.756.000 đồng theo hợp đồng kinh tế số 62/2016/HĐKT/AT-CĐN ngày 22/4/2016 và Phụ lục hợp đồng số 02 (Hợp đồng kinh tế số 62/2016/HĐKT/AT-CĐN) ngày 08/7/2016 là phù hợp với Điều 24, Điều 50 Luật Thương mại nên cần được chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c về tính tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 01/8/2017 đến ngày 31/12/2019 với mức lãi suất là 7%/năm với số tiền là 157.622.000 đồng. HĐXX xét thấy, mặc dù trong hợp đồng cũng như biên bản đối chiếu công nợ không quy định về nghĩa vụ trả lãi do chậm thanh toán nhưng căn cứ Điều 306 Luật Thương

mại quy định thì Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c có quyền yêu cầu Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả (lãi suất nợ quá hạn của cho vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là **12,75%/**năm; lãi suất nợ quá hạn của cho vay ngắn hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam là **10,5%/**năm; lãi suất nợ quá hạn của cho vay ngắn hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam là **14,25%/**năm). Lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là: (12,75%+ 10,5%+ 14,25%): 3 = 12,5%/năm nhưng do Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c chỉ yêu cầu Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất 7%/năm là thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm, HĐXX thấy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp nên chấp nhận, cần buộc bị đơn phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c số tiền lãi là 157.622.000đồng (931.756.000 đồng x 7%/năm : 12 tháng x 29 tháng = 157.622.056đồng).

[6] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 44.681.340đồng bị đơn Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Nguyên đơn Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c 22.340.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 006154 ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

[8] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 24, Điều 50 và Điều 306 của Luật Thương mại;

- Căn cứ Án lệ số 09/2016/AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ A.

Tuyên xử:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ A phải trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c số tiền 1.089.378.000đồng (Một tỷ không trăm tám mươi chín triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng), trong đó 931.756.000đồng tiền gốc và 157.622.000đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 44.681.340đồng bị đơn Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại c 22.340.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 006154 ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Thy Tuyết